

Số: /SGDDĐT-GDNNQLĐT

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2026

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm
vụ năm học 2026-2027 đối với
giáo dục nghề nghiệp

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Công văn số 5747/BGDDĐT-GDNNGDTX ngày 25/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 8785/UBND-KGVX ngày 27/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027 đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp năm học 2026-2027 như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

Năm học 2026-2027, giáo dục nghề nghiệp (GDNN) tỉnh Quảng Ngãi tập trung triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách và quy định mới về giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW¹; kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027²; Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 của Thủ tướng Chính phủ³; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027⁴; tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng GDNN, phát triển hệ thống GDNN mở, linh hoạt, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các cơ quan, đơn vị cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tổ chức quán triệt và triển khai nghiêm túc, đồng bộ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15; Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể hóa thành nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiến độ, sản phẩm và trách nhiệm thực hiện trong kế hoạch năm học của đơn vị.

¹ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

² Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

³ Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 03/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027.

⁴ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn, hướng nghiệp; chú trọng nội dung về mô hình trung học nghề, triển khai và từng bước đưa mô hình trung học nghề vào thực tiễn. Tăng cường phối hợp giữa cơ sở GDNN với trường THCS, THPT, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ việc làm.

3. Tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả GDNN; đổi mới quản trị, chương trình, phương thức đào tạo; tăng cường gắn kết với doanh nghiệp và thị trường lao động; phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là các ngành, nghề trọng điểm, công nghệ cao, ngành, nghề mới và lĩnh vực có nhu cầu nhân lực cao.

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong GDNN; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản trị, dạy học, kiểm tra, đánh giá; xây dựng cơ sở dữ liệu GDNN bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu GDNN lên hệ thống cơ sở dữ liệu GDNN của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giảm hồ sơ giấy và nâng cao hiệu quả quản trị. Ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai cơ sở dữ liệu GDNN, học bạ số, văn bằng số; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, quản lý, quản trị, hỗ trợ người học. Triển khai từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045 đối với GDNN.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Rà soát điều kiện hoạt động, kiện toàn tổ chức và quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Rà soát giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trình độ cao đẳng, trung cấp; ngành, nghề, trình độ, địa điểm, quy mô tuyển sinh và các điều kiện bảo đảm hoạt động đào tạo. Kịp thời hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, điều kiện theo quy định mới; không tổ chức tuyển sinh, đào tạo ngoài phạm vi được cấp phép.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế quản lý đào tạo và các quy định nội bộ phù hợp Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện đầy đủ quy định chuyển tiếp, bảo đảm hoạt động đào tạo liên tục và quyền lợi hợp pháp của người học.

c) Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và nhân lực hiện có; chủ động đề xuất phương án sắp xếp, đầu tư, phát triển ngành, nghề, tránh trùng lặp, dàn trải, quy mô nhỏ và hiệu quả thấp; phối hợp thực hiện các chủ trương sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập khi có yêu cầu.

2. Triển khai mô hình trung học nghề; đẩy mạnh hướng nghiệp, phân luồng và liên thông

a) Chủ động chuẩn bị đội ngũ, chương trình, cơ sở vật chất, thiết bị, phương án quản lý người học và các điều kiện cần thiết để triển khai mô hình trung học nghề đối với người học đã hoàn thành chương trình trung học cơ sở theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

b) Tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gia đình và doanh nghiệp trong tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông; cung cấp thông tin chính xác về ngành, nghề, lộ trình học tập, cơ hội việc làm và khả năng liên thông.

c) Xây dựng lộ trình học tập linh hoạt, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập theo quy định. Việc liên thông lên trình độ đại học thực hiện theo Thông tư số 52/2026/TT-BGDĐT, quy định tuyển sinh đại học và quy định của cơ sở giáo dục đại học.

3. Đổi mới tuyển sinh, phát triển chương trình và tổ chức đào tạo

a) Xây dựng, công bố công khai kế hoạch, phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2026-2027 phù hợp năng lực đào tạo thực tế; công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, học phí, chuẩn đầu ra, chính sách đối với người học và kết quả việc làm sau tốt nghiệp. Đẩy mạnh tuyển sinh trực tuyến, truyền thông đúng thực tế, không gây nhầm lẫn về ngành, nghề, trình độ và văn bằng.

b) Tổ chức đào tạo đúng chương trình, tiến độ, quy chế; đổi mới theo hướng mô-đun, tín chỉ, năng lực thực hiện; tăng thời lượng thực hành, thực tập và đào tạo tại doanh nghiệp; mở rộng đào tạo kép, đào tạo tại nơi làm việc và các hình thức linh hoạt. Lấy chuẩn đầu ra, kỹ năng nghề, việc làm sau tốt nghiệp và mức độ đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp làm căn cứ cải tiến chất lượng.

c) Ưu tiên phát triển đào tạo các lĩnh vực STEM, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, tự động hóa, cơ khí - chế tạo, logistics, năng lượng xanh, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao và các ngành, nghề phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu nhân lực của tỉnh, Khu kinh tế Dung Quất và các doanh nghiệp trên địa bàn.

d) Phát triển chương trình đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng theo hướng ngắn hạn, linh hoạt, mô-đun; phối hợp doanh nghiệp dự báo nhu cầu, xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo cho người lao động, phục vụ chuyển đổi số, tự động hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thay đổi công nghệ.

đ) Từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo lộ trình; lựa chọn ngành, nghề và nội dung phù hợp chuẩn đầu ra, năng lực đội ngũ, điều kiện cơ sở vật chất; không triển khai đồng loạt khi chưa đủ điều kiện.

4. Nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết doanh nghiệp và hợp tác quốc tế

a) Thực hiện nghiêm chuẩn đầu ra, đổi mới kiểm tra, đánh giá theo năng lực thực hiện; vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, tự đánh giá hằng năm và xây dựng lộ trình đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo; chủ động đăng ký kiểm định chất lượng theo quy định.

b) Công khai kết quả tự đánh giá, kiểm định, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp; sử dụng kết quả bảo đảm chất lượng để xác định

chỉ tiêu tuyển sinh, phân bổ nguồn lực và cải tiến chương trình, phương thức tổ chức đào tạo.

c) Thiết lập và thực hiện cơ chế phối hợp thực chất với doanh nghiệp trong khảo sát nhu cầu nhân lực, xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư thiết bị, sử dụng chung cơ sở vật chất và thành lập, quản lý, sử dụng hiệu quả Quỹ đào tạo nhân lực theo quy định.

d) Mở rộng hợp tác với cơ sở đào tạo, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về phát triển chương trình, bồi dưỡng nhà giáo, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực kỹ năng cao. Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài phải đúng thẩm quyền, phạm vi được phép, bảo đảm chất lượng và quyền lợi người học.

5. Phát triển đội ngũ và bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Rà soát cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ theo quy mô và ngành, nghề đào tạo; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý; chú trọng năng lực thực hành, công nghệ mới, kỹ năng số, sử dụng trí tuệ nhân tạo và phát triển chương trình.

b) Tăng cường đưa nhà giáo đi thực tế tại doanh nghiệp; huy động chuyên gia, kỹ sư, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật và người lao động có kỹ năng nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành và đánh giá năng lực người học theo quy định.

c) Rà soát phòng học, xưởng thực hành, thiết bị, học liệu và hạ tầng số so với yêu cầu chương trình; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp có trọng tâm, ưu tiên ngành, nghề trọng điểm và ngành, nghề đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh; thực hiện quản lý, khai thác, bảo trì thiết bị an toàn, hiệu quả.

6. Công tác học sinh, sinh viên và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục nghề nghiệp

a) Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, pháp luật, quốc phòng và an ninh; giáo dục thể chất, y tế trường học, kỹ năng mềm, khởi nghiệp, tư vấn tâm lý và công tác xã hội. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; phòng ngừa bạo lực học đường, ma túy, thuốc lá điện tử, tệ nạn xã hội và nguy cơ trên môi trường mạng.

b) Phối hợp chặt chẽ với gia đình, chính quyền và Công an địa phương trong quản lý, giáo dục người học; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong thực hành, thực tập. Đối với người học chương trình trung học nghề chưa đủ 18 tuổi, phải có phương thức quản lý, chăm sóc phù hợp lứa tuổi.

c) Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người học. Tổ chức đào tạo nghề phù hợp cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách; ưu tiên địa bàn khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân

tộc thiểu số, hải đảo; lồng ghép hiệu quả nguồn lực các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Tổ chức hiệu quả các kỳ thi kỹ năng nghề; sử dụng kết quả tham gia kỳ thi để bồi dưỡng đội ngũ, cải tiến chương trình và phương pháp đào tạo, tránh hình thức, chạy theo thành tích.

7. Chuyển đổi số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và tăng cường kỷ cương quản lý

a) Tích hợp phát triển năng lực số, năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo và an toàn, an ninh mạng trong chương trình đào tạo; phấn đấu người học trình độ cao đẳng đạt tối thiểu bậc 6/8, trình độ trung cấp và trung học nghề đạt tối thiểu bậc 5/8 theo Khung năng lực số cho người học ban hành tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

b) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá và quản lý đào tạo theo Thông tư số 49/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm liêm chính học thuật, minh bạch việc sử dụng, bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin và quyền sở hữu trí tuệ; trí tuệ nhân tạo là công cụ hỗ trợ, không thay thế trách nhiệm chuyên môn của nhà giáo và người học.

c) Rà soát, chuẩn hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn dữ liệu về cơ sở, ngành nghề, tuyển sinh, đội ngũ, người học, kết quả học tập, tốt nghiệp và việc làm vào Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp; phân công cá nhân chịu trách nhiệm, thường xuyên kiểm tra tính đầy đủ và thống nhất của dữ liệu.

d) Thực hiện nghiêm quy định về in, quản lý phôi, cấp phát, chỉnh sửa, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ; lập và lưu trữ sổ gốc; công khai thông tin cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử và cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ tra cứu, xác minh.

đ) Tăng cường tự kiểm tra, giám sát, hậu kiểm nội bộ đối với điều kiện hoạt động, tuyển sinh, tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo, đào tạo tại doanh nghiệp, quản lý văn bằng, chứng chỉ và thực hiện chính sách; chủ động phát hiện, khắc phục và báo cáo kịp thời sai phạm, khó khăn, vướng mắc.

8. Công tác tài chính, học phí và sử dụng nguồn lực

a) Thực hiện thu, chi, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính đúng quy định; công khai, minh bạch các khoản thu, mức thu và chính sách hỗ trợ người học; không để phát sinh các khoản thu trái quy định.

b) Triển khai kịp thời và đầy đủ chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chính sách khác đối với người học theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Công văn số 5639/UBND-KGVX ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của

Chính phủ; ưu tiên bảo đảm quyền lợi của người học thuộc đối tượng chính sách và người học có hoàn cảnh khó khăn.

c) Chủ động huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp; tăng cường xã hội hóa, hợp tác với doanh nghiệp; khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị và tài sản công theo đúng quy định.

d) Ưu tiên nguồn lực cho hiện đại hóa GDNN, hạ tầng số, thiết bị thực hành, các ngành, nghề trọng điểm và chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường, đặc khu

a) Triển khai nhiệm vụ GDNN trên địa bàn theo hướng dẫn này.

b) Phối hợp với các cơ sở GDNN trong công tác thông tin, tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng, tuyển sinh người học vào GDNN; nắm bắt nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương, khu công nghiệp, doanh nghiệp. Thực hiện hỗ trợ chính sách đối với người học GDNN, nhất là người học thuộc đối tượng chính sách, người học có hoàn cảnh khó khăn.

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ GDNN trên địa bàn theo thẩm quyền; kịp thời phản ánh, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) những khó khăn, vướng mắc và vấn đề phát sinh cần hướng dẫn, giải quyết.

2. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Căn cứ hướng dẫn này và tình hình thực tế, xây dựng kế hoạch năm học 2026-2027 với chỉ tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm, đơn vị và cá nhân phụ trách; gửi kế hoạch về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/9/2026.

b) Tổ chức phổ biến đến toàn thể cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học; định kỳ kiểm tra, đánh giá tiến độ, kịp thời điều chỉnh giải pháp và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.

c) Thực hiện báo cáo sơ kết học kỳ I trước ngày 22/01/2027; báo cáo tổng kết năm học trước ngày 31/5/2027; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. Số liệu báo cáo phải thống nhất với dữ liệu đã cập nhật trên Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

3. Phòng Giáo dục nghề nghiệp và Quản lý đào tạo

a) Chủ trì triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ GDNN; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và việc hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ GDNN năm học 2026-2027.

b) Chủ trì hướng dẫn các cơ sở GDNN xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ GDNN; theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu về tuyển sinh, đào tạo, chất lượng, chuyển đổi số, gắn đào tạo với doanh nghiệp và thị trường lao động; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

c) Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; hướng dẫn triển khai chương trình, giáo trình, chuẩn đầu ra,

kiểm tra, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề và các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực GDNN.

d) Tham mưu Giám đốc Sở chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ phát triển GDNN; tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn, kế hoạch, chương trình, đề án thuộc lĩnh vực GDNN theo thẩm quyền.

đ) Phối hợp với các phòng thuộc Sở, UBND xã, phường, đặc khu, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác tuyển sinh, hướng nghiệp, phân luồng, đào tạo nhân lực theo nhu cầu, chuyển đổi số và phát triển các ngành, nghề trọng điểm, ngành, nghề mới; tổng hợp, tham mưu Giám đốc Sở chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

4. Các phòng chuyên môn thuộc Sở GDĐT: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Phòng Giáo dục nghề nghiệp và Quản lý đào tạo hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và hỗ trợ các đơn vị triển khai; tham mưu xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý khó khăn, vướng mắc và hành vi vi phạm theo quy định.

(gửi kèm phụ lục các văn bản liên quan đến lĩnh vực GDNN)

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo *(qua Phòng Giáo dục nghề nghiệp và Quản lý đào tạo)* để được hướng dẫn, tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục GDNN- GDTX, Bộ GDĐT *(báo cáo)*;
- UBND tỉnh *(báo cáo)*;
- Giám đốc Sở GDĐT *(báo cáo)*;
- Các PGĐ Sở GDĐT *(để biết)*;
- Các phòng thuộc Sở GDĐT *(thực hiện)*;
- Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, GDNNQLĐT_{NTD}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trọng Thắng